

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 07/02/2018.

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xươngne;

Bà Lưu Thị Tám.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thành Lũy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Dũng**-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X**, sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Số nhà 213/5, ấp P, xã P1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 213/5, ấp P, xã P1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X trình bày:***

Bà X và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà X và ông T có hai người con chung là anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/9/1999 đã trưởng thành và sống tự lập; Cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16/3/2003, hiện nay đang sống chung với ông T. Thời gian đầu bà X và ông T sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau này do cuộc sống kinh tế gặp khó khăn nên vợ, chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, không cùng quan điểm sống, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà X và ông T đã ly thân nhau từ tháng 3/2013 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X vẫn giữ nguyên yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 là vợ chồng.

- Về con chung: Bà X và ông T có hai người con chung là anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/9/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường tự lo cho bản thân, không yêu cầu xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16/3/2003 theo nguyện vọng của cháu, bà X không yêu cầu xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà X và ông T có một thửa đất 1000m², trên phần đất này có 01 (một) căn nhà ông T đang ở, bà X và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X và ông Nguyễn Văn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó về quan hệ chung sống giữa bà X và ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà X và ông T có hai người con chung là anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/9/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường tự lo cho bản thân, không yêu cầu xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16/3/2003 theo nguyện vọng của cháu, bà X không yêu cầu xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào biên bản ý kiến của cháu Nguyễn Quốc T vào ngày 14/12/2017 tại Trường Trung học cơ sở P1, huyện Kế Sách có nội dung: Cháu T thừa nhận cháu là con ruột của bà X và ông T, hiện nay bà X và ông T không còn chung sống với nhau, hiện tại cháu đang sống với cha ruột là ông Nguyễn Văn T, cháu đang học lớp 9A1 Trường Trung học cơ sở P1, huyện Kế Sách, hàng ngày ông T luôn quan tâm chăm sóc và lo cho cháu đầy đủ về vật chất và tinh thần, nếu bà X và ông T không chung sống với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với cha ruột là ông Nguyễn Văn T, cháu không có yêu cầu gì trong vụ án này. Theo biên bản xác minh ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách tại Ban nhân dân ấp P, xã P1 được ông Nguyễn Bửu C là Trưởng ban nhân dân ấp xác nhận hiện nay về điều kiện kinh tế của ông Nguyễn Văn T vẫn đảm bảo để nuôi con là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16/3/2003 phát triển bình thường về vật chất và tinh thần. Xét thấy đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của cháu T nên Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà X và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Quan hệ chung sống giữa bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X và ông Nguyễn Văn T không phải là vợ chồng.

- **Về con chung:** Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/9/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường tự lo cho bản thân, không yêu cầu xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 16/3/2003 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T. Ông T không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Quốc T.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T.

- **Về tài sản chung:** Bà X và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Phạm Thị Mỹ (Mỹ) X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009382 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy bà X đã nộp đủ số tiền án phí. Ông Nguyễn Văn T không chịu án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THANH BÌNH